

Số : 228/XHNV-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định đào tạo đại học hình thức văn bằng thứ hai
theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

- Căn cứ Quyết định số 1233/ GD - ĐT ngày 30 tháng 3 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ–BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai;

- Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ/ĐHQG ĐH&SĐH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ;

- Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-ĐT ngày 16 tháng 2 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Quốc gia TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ;

- Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định đào tạo đại học hình thức văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quy định này được áp dụng kể từ năm học 2010 - 2011 cho sinh viên bậc đại học hình thức văn bằng thứ hai.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng khoa/Bộ môn, Trưởng phòng, Ban chức năng và sinh viên hình thức văn bằng thứ hai có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- ĐH Quốc gia Tp.HCM (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu ĐT, TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Võ Văn Sen

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về đào tạo đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-KHXH-ĐT ngày 31 tháng 5 năm 2010
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định việc đào tạo văn bằng thứ hai bậc đại học theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: Những quy định chung; tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp; điều khoản thi hành.

2. Văn bằng đại học thứ hai là văn bằng cấp cho những người đã có ít nhất một bằng tốt nghiệp đại học, sau khi hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo đại học của ngành đào tạo mới, có đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học.

3. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao tính thích ứng của nguồn nhân lực trước đòi hỏi ngày càng tăng của xã hội.

4. Đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai được thực hiện theo các phương thức giáo dục chính quy và không chính quy với các hình thức học sau:

a. Phương thức chính quy: Học tập trung liên tục tại trường.

b. Phương thức không chính quy: Học tập trung không liên tục, học từ xa.

Điều 2: Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo văn bằng thứ hai bậc đại học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (dưới đây viết tắt là Trường ĐHKHXH&NV) được tổ chức theo hệ thống tín chỉ, giúp sinh viên tích lũy kiến thức ở các thời điểm thích hợp, phù hợp với năng lực học tập và hoàn cảnh cá nhân; đồng thời yêu cầu sinh viên phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Tín chỉ học tập

Tín chỉ học tập (gọi tắt là tín chỉ) là đơn vị dùng để xác định khối lượng học tập của sinh viên, qua đó đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên số lượng tín chỉ học tập tích lũy được.

Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thảo luận; hoặc 45-60 tiết thực tập, kiến tập, làm khoá luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Để tiếp thu được một tiết học lý thuyết trên lớp, sinh viên cần từ 2 đến 3 tiết chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu ở nhà; một tiết học thực hành hoặc bài tập trên lớp cần từ 1 đến 2 tiết chuẩn bị ở nhà.

Điều 4. Tín chỉ học phí

Tín chỉ học phí là đơn vị dùng để lượng hoá chi phí của các hoạt động giảng dạy tính cho từng môn học. Học phí được tính bằng tổng số tín chỉ học phí của các môn học nhân với mức tiền học phí của 1 tín chỉ học phí.

Điều 5. Học phần

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi học phần lý thuyết có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, mỗi học phần thực hành có khối lượng từ 1 đến 3 tín chỉ, được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Các loại học phần.

- Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu trong chương trình đào tạo của trường, tất cả sinh viên bắt buộc phải tích lũy.

- Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết mà sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học theo nguyện vọng.

- Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên lựa chọn các học phần quy định trong chương trình đào tạo của ngành học, theo sự hướng dẫn của nhà trường.

- Học phần tiên quyết: là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và thi đạt yêu cầu mới được tiếp tục học học phần sau.

- Học phần học trước: là học phần mà sinh viên phải học trước khi học các học phần khác mặc dù thi đạt hoặc không đạt yêu cầu.

- Học phần tích lũy: là học phần có kết quả thi kết thúc đạt từ 5.0 điểm trở lên.

Điều 6. Học kỳ, năm học

1. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo. Học kỳ có 15 tuần thực học, 2 - 3 tuần thi. Mỗi học kỳ được bố trí giảng dạy nhiều học phần trong chương trình đào tạo.

2. Năm học gồm hai học kỳ.

Điều 7. Khoá học, lớp học

1. Khoá học là thời gian để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành chuyên môn ở trình độ đại học.

2. Mỗi khoá học văn bằng thứ hai theo phương thức đào tạo chính quy được thiết kế tương đương 2,5 năm, gồm 5 học kỳ.

Tuỳ theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học tối đa là 1 học kỳ chính; hoặc được kéo dài thời gian học tối đa là 8 học kỳ.

Mỗi khoá học văn bằng thứ 2 theo phương thức đào tạo không chính quy được thiết kế tương đương 3 năm, gồm 6 học kỳ.

Tuỳ theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn thời gian học tối đa là 1 học kỳ; hoặc được kéo dài thời gian học tối đa là 10 học kỳ.

Các diện ưu tiên được kéo dài thời gian học tập theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Lớp học được tổ chức cho những sinh viên có cùng nhóm học phần giống nhau hoặc những sinh viên cùng khoá, ngành học để trao đổi học tập, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt đoàn thể.

Có hai loại lớp học:

- Lớp học phần là lớp học ngắn hạn được tổ chức theo từng học phần.
- Lớp khoá học là lớp học cố định được tổ chức theo chuyên ngành và theo từng khoá đào tạo.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 8. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông với các chương trình giáo dục khác.

2. Chương trình văn bằng thứ hai trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chương trình hệ chính quy theo hình thức tín chỉ, có chú ý đến sự khác biệt trong hình thức đào tạo và đối tượng sinh viên. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm các học phần cơ sở phục vụ chuyên ngành, các học phần bổ trợ và các học phần chuyên nghiệp nhằm cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cần thiết.

3. Khối kiến thức chuyên nghiệp có 2 nhóm học phần:

- Nhóm học phần bắt buộc chiếm khoảng 70-80% khối lượng kiến thức toàn khoá. Đây là những học phần chứa đựng những kiến thức cốt lõi của ngành đào tạo, bắt buộc sinh viên phải học.

- Nhóm học phần tự chọn chiếm khoảng 20-30% khối lượng kiến thức toàn khoá. Đây là những học phần chứa đựng những kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được quyền tự chọn hoặc tự chọn định hướng để tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định.

Điều 9. Số lượng tín chỉ tích lũy tối thiểu và điều kiện xét tốt nghiệp

Trong toàn khoá học sinh viên phải tích lũy tối thiểu 90 tín chỉ, không bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học. Để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải có các chứng chỉ Ngoại ngữ không chuyên (trình độ B), Tin học đại cương (các chứng chỉ này do sinh viên tự tích lũy). Ở một số ngành đặc thù, chứng chỉ ngoại ngữ không chuyên có thể cao hơn chứng chỉ B. Những ngành đặc thù này do Hiệu trưởng quyết định. Những sinh viên trong chương trình học của văn bằng thứ nhất có điểm tích lũy các môn ngoại ngữ và tin học trình độ tương đương mà chưa quá 5 năm tính đến ngày xét tốt nghiệp thì có thể nộp bảng điểm để thay cho chứng chỉ.

Điều 10. Đăng ký nhập học và bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Sau khi trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh hình thức đào tạo văn bằng thứ hai, sinh viên phải đến trường làm thủ tục nhập học trong thời hạn quy định.

2. Nếu có lý do chính đáng (như bệnh tật, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn...), thí sinh trúng tuyển có thể xin bảo lưu kết quả thi tuyển. Trong trường hợp này, thí sinh trúng tuyển nộp đơn xin bảo lưu cho Phòng Công tác Chính trị - Quản lý Sinh viên và được Hiệu trưởng ký quyết định cho bảo lưu.

Thời gian bảo lưu kết quả tuyển sinh không quá một học kỳ chính. Muốn nhập học lại, thí sinh phải làm đơn xin nhập học kèm theo quyết định bảo lưu và nộp cho Phòng Công tác Chính trị - Quản lý Sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ mới ít nhất 1 tháng.

Điều 11. Thông báo kế hoạch đào tạo

1. Đầu khoá học, trường thông báo cho sinh viên những thông tin về:
 - Chương trình đào tạo toàn khoá cho từng ngành học.
 - Quy chế học tập và các quy định của trường.
2. Đầu mỗi học kỳ, trường thông báo cho sinh viên những thông tin về:
 - Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó.
 - Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khoá biểu của các lớp học đó.

Điều 12. Đăng ký học tập

1. Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải nghiên cứu để nắm được chương trình đào tạo và đăng ký các học phần sẽ học trong học kỳ đó theo phiếu đăng ký hoặc theo hình thức đăng ký qua mạng của trường. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (trừ học kỳ cuối) được quy định như sau:

- a. Đối với sinh viên học theo phương thức chính quy:
 - 13 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;
 - 10 tín chỉ đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ.
 - Không hạn chế khối lượng tín chỉ đăng ký đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
- b. Đối với sinh viên học theo phương thức không chính quy:
 - 12 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường;
 - 9 tín chỉ đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 9 tín chỉ cho mỗi học kỳ.
 - Không hạn chế khối lượng tín chỉ đăng ký đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

2. Sinh viên phải đăng ký học lại các học phần bắt buộc có điểm thi kết thúc học phần dưới 5.0 ở các học kỳ trước. Đối với các học phần tự chọn có điểm dưới 5.0, sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế (trong số các học phần tự chọn của mỗi ngành đào tạo).

3. Sinh viên phải đăng ký và nộp phiếu đăng ký học tập trong thời hạn quy định của trường.

4. Trong trường hợp sinh viên vì lý do bất khả kháng và có đơn trình bày, nhà trường sẽ xem xét và chấp thuận cho sinh viên được đăng ký theo học và thi các môn còn thiếu (với số lượng tín chỉ tương đương) tại các lớp chính quy.

Điều 13. Tổ chức lớp

1. Những sinh viên học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian với cùng một giảng viên được tổ chức thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Những sinh viên cùng khoá, được tổ chức thành những lớp khoá học. Lớp khoá học cũng được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

Điều 14. Cố vấn học tập

Trường thành lập và chỉ đạo hoạt động của Ban Cố vấn Học tập. Cố vấn học tập có trách nhiệm giúp sinh viên hiểu rõ quy chế và những quy định của trường, hướng dẫn sinh viên lựa chọn chuyên ngành, định hướng nghề nghiệp, lập kế hoạch học tập, đăng ký môn học.

Điều 15. Điều kiện để chuyển trường, chuyển ngành

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi cho việc học tập.

- Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học.

- Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- Đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

- Nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến.

- Là sinh viên năm cuối khoá.

- Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Hồ sơ nộp tại Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Công tác Chính trị - Quản lý Sinh viên trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Thí sinh trúng tuyển vào những ngành có số lượng sinh viên quá ít không mở được lớp thì được chuyển sang ngành học có cùng môn thi, nếu có nguyện vọng.

Điều 16. Tạm dừng học tập

1. Sinh viên được tạm dừng học tập nếu có lý do chính đáng. Muốn được chấp nhận tạm dừng học tập, sinh viên phải nộp đơn tại Phòng Công tác Chính trị - Quản lý Sinh viên và phải có quyết định cho phép của Hiệu trưởng.

2. Thời gian tạm dừng học tập vẫn tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khoá học, ngoại trừ thời gian sinh viên thi hành nghĩa vụ quân sự.

3. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 17. Cảnh cáo học vụ, buộc thôi học

1. Sinh viên sẽ bị cảnh cáo học vụ nếu vi phạm một trong những điều sau:
 - Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của trường.
 - Không đạt số tín chỉ tối thiểu do trường quy định cho ngành đào tạo trong một học kỳ.
 - Có điểm trung bình học kỳ đầu dưới 3.0 hoặc điểm trung bình chung tích lũy của 2 học kỳ liên tiếp dưới 4.0.
 2. Trường sẽ ra quyết định đình chỉ học tập và xoá tên khỏi danh sách sinh viên, nếu sinh viên vi phạm một trong những điều sau:
 - Đã hết thời gian tối đa hoàn thành khoá học;
 - Đã tự ý bỏ học từ một học kỳ trở lên;
 - Có điểm trung bình học kỳ bằng 0 (không) ở một học kỳ;
 - Sau thời hạn bị cảnh cáo học vụ vẫn vi phạm các quy định của Khoản 1, Điều 17 của Quy định này;
 - Vi phạm quy chế học vụ và các quy định khác của trường đến mức buộc thôi học;
 - Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ;
 - Một số trường hợp đặc biệt khác do Hiệu trưởng quy định cụ thể;
 - Trường sẽ xoá tên khỏi danh sách sinh viên nếu sinh viên gửi đơn xin thôi học và được Trường ra quyết định cho phép nghỉ học;
- Khi sinh viên có quyết định đình chỉ học tập, trường thông báo trả sinh viên về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú;
- Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập, nếu có nguyện vọng chuyển trường hay chuyển xuống các bậc đào tạo thấp hơn phải làm đơn để trường xét cụ thể từng trường hợp.
3. Nhà trường có trách nhiệm thông báo về địa phương và gia đình sinh viên buộc thôi học biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định thôi học.

CHƯƠNG III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 18. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Học phần lý thuyết:
 - Dự đủ giờ lên lớp theo yêu cầu của giảng viên phụ trách học phần.
 - Dự đủ các đợt kiểm tra giữa học phần và các buổi thảo luận ở lớp.
2. Học phần thực hành:
 - Dự đủ thời gian quy định cho học phần thực hành.
 - Nộp đầy đủ các bài kiểm tra sau mỗi bài thực tập.

Giảng viên phụ trách học phần là người quyết định danh sách sinh viên được dự thi kết thúc học phần. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó ở học kỳ sau.

Điều 19. Đánh giá kết quả học tập của học phần

1. Điểm cuối cùng để đánh giá một học phần được gọi là điểm học phần. Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học phần đó.

Ngoài điểm thi kết thúc môn học, điểm học phần có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- a. Điểm kiểm tra giữa học kỳ.
- b. Điểm đánh giá năng lực hoặc nhận thức của sinh viên trong các buổi thảo luận.
- c. Điểm đánh giá kết quả thực hành hoặc bài tập.
- d. Điểm đánh giá mức độ chuyên cần của sinh viên trong quá trình học tập.

Mỗi loại điểm có trọng số riêng do giảng viên phụ trách học phần quy định. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm thi kết thúc học phần và điểm thành phần.

Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của giảng viên về việc lên lớp, làm bài tập thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm 0 (không) cho điểm thành phần tương ứng.

2. Học phần có điểm từ 5.0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

3. Người học được bảo lưu kết quả học tập đối với những học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học ngành thứ nhất có giờ học tương đương hoặc lớn hơn so với chương trình đào tạo của ngành thứ hai, đạt điểm từ 5.0 trở lên và chưa quá 5 năm tính đến ngày học những học phần đó.

4. Cách tính điểm cuối cùng của một học phần được quy định tại Điều 24 của quy chế này.

Điều 20. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

1. Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi chính ngay sau khi kết thúc học kỳ. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó. Trường khoa và Trường phòng Đào tạo quy định thời gian ôn thi và thi. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo.

2. Không tổ chức thi lại cho những sinh viên đã dự thi không đạt yêu cầu hoặc vắng thi.

Điều 21. Điểm chưa/không hoàn tất học phần

1. Vì những lý do chính đáng không thể dự thi, kiểm tra (ốm đau, tai nạn, chuyện cá nhân v.v.) sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho nhận điểm I - điểm chưa hoàn tất học phần. Trước khi kết thúc học phần, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể hoàn tất học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho giảng viên phụ trách học phần đó. Trường hợp đột xuất, sinh viên phải nộp cho Phòng Đào tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi.

2. Giảng viên phụ trách học phần là người quyết định sinh viên có được điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên sẽ bị điểm 0 (không) cho học phần đó.

3. Nếu nhận điểm I, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ tiếp theo sinh viên phải làm đơn đăng ký thi lại học phần đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Nếu quá 2 học kỳ chính mà sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm 0 (không).

Điều 22. Điểm bảo lưu, điểm tạm thời

1. Điểm bảo lưu là điểm mà sinh viên đã thi đạt yêu cầu một học phần ở một trường đại học công lập nào đó, trong thời gian không quá 5 năm và được Phòng Đào tạo chấp thuận. Số điểm học phần đó sẽ là điểm mà sinh viên đã thi đạt và kèm theo ký hiệu bảo lưu (BL).

2. Điểm tạm thời là điểm mà sinh viên đã đạt được kết quả một học phần nào đó ở một trường khác mà điểm cụ thể chưa được xác định. Trong trường hợp đó, Phòng Đào tạo sẽ quy định điểm tạm thời bằng ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi.

Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm bảo lưu, hoặc điểm tạm thời nói trên, sinh viên phải đăng ký thi học phần đó. Điểm BL và điểm M không tham gia tính vào điểm trung bình học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình tích lũy.

Điều 23. Điểm trung bình học tập, điểm trung bình tích lũy

1. Điểm trung bình học tập của mỗi học kỳ (gọi tắt là điểm học kỳ) hay điểm trung bình học tập của khoá học (gọi tắt là điểm khoá học) là điểm tính theo kết quả thi của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (không tính điểm BL, điểm M).

2. Điểm trung bình tích lũy của mỗi học kỳ, khoá học là điểm tính theo kết quả thi của các học phần đạt từ điểm 5.0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (kể cả các học phần bảo lưu).

Cách tính điểm trung bình chung và trung bình tích lũy được quy định tại Điều 24 của Quy định này.

3. Học phần có kết quả thi từ điểm 5.0 trở lên được bảo lưu.

4. Không tính kết quả thi các học phần Ngoại ngữ, Tin học vào điểm trung bình học tập hoặc điểm trung bình tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần này được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 24. Cách tính điểm trung bình, xếp loại học tập

1. Điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 đến 10 và làm tròn đến 0,5.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính đến 2 chữ số thập phân.

3. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo thang điểm 10, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

Trong đó:

A = là điểm TBHK hoặc điểm TBCTL

a_i = là điểm của môn học thứ i

n_i = là số tín chỉ của môn học thứ i

n = là tổng số môn học

EMBED
Equation.3 x n EMBED
Equation.3
 $A =$ _____

EMBED
Equation.3

Điểm TBHK được dùng để xét khen thưởng sau mỗi học kỳ, được tính theo kết quả điểm môn học ở lần thứ nhất.

Điểm TBHK và điểm TBCTL được dùng để phân loại kết quả học tập, xử lý học vụ và xếp loại tốt nghiệp, được tính theo điểm môn học cao nhất trong các lần học.

Điểm X (miễn học – bảo lưu) và các điểm đặc biệt khác không được tính trong điểm TBHK.

4. Xếp loại kết quả học tập

a) Loại đạt	Xếp loại
Từ 9.0 đến 10	Xuất sắc
Từ 8,0 đến cận 9.0	Giỏi
Từ 7.0 đến cận 8.0	Khá
Từ 6.0 đến cận 7.0	Trung bình khá
Từ 5.0 đến cận 6.0	Trung bình
b) Loại không đạt	Xếp loại
Từ 3.0 đến cận 5.0	Yếu
Nhỏ hơn 3.0	Kém

Điều 25. Kiểm tra, thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Việc kiểm tra giữa học phần, kiểm tra thực tập do giảng viên phụ trách học phần đó chuẩn bị theo đúng chương trình đã công bố.

2. Hình thức thi học phần có thể là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp (hoặc kết hợp giữa các hình thức trên) do Trưởng khoa quyết định theo đề nghị của Trưởng bộ môn hoặc Trưởng môn học.

3. Kết quả thi phải được công bố chậm nhất là 30 ngày sau mỗi kỳ thi.

Điều 26. Chấm phúc tra

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi. Đơn xin phúc tra kết quả thi được gửi đến Phòng Đào tạo trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do trường quy định.

Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm được nâng lên cao hơn trước thì Trưởng khoa hoặc Trưởng phòng Đào tạo phải đề nghị một cán bộ thứ hai có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng khoa ký tên xác nhận mới được công bố.

Điều 27. Thi cải thiện điểm

Đối với học phần có kết quả đạt từ điểm 5.0 trở lên, trong vòng 1 học kỳ tiếp theo sinh viên muốn thi lại để cải thiện điểm phải làm đơn đăng ký thi cải thiện điểm, chấp nhận huỷ kết quả cũ và nộp lệ phí theo quy định. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm thi cải thiện được ký hiệu (CT) để phân biệt với các loại điểm khác.

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra

1. Mức độ sai phạm và khung xử lý sai phạm đối với sinh viên và cán bộ trong khi thi, chấm thi được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong các đợt kiểm tra học kỳ, thi kết thúc học phần, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng bài kiểm tra, từng học phần đã vi phạm.

3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm trở lên đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

Điều 29. Cấp bằng điểm

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị cấp bằng điểm để biết được kết quả học tập của mình. Phòng Đào tạo có trách nhiệm cấp bằng điểm theo yêu cầu và đúng thời gian quy định. Sinh viên phải làm đơn và nộp lệ phí để được cấp bằng điểm.

CHƯƠNG IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 30. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Cuối mỗi khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên (tính đến thời điểm xét tốt nghiệp);
- Tích lũy đủ số học phần quy định của chương trình giáo dục;
- Điểm TBCTL của toàn khoá học phải đạt từ 5,0 trở lên.
- Có các chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học hoặc bằng điểm như yêu cầu tại Điều 9 của Quy định này

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào biên bản và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là Trưởng phòng Công tác Chính trị – Quản lý Sinh viên, Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo Chất lượng, Trưởng các Khoa/Bộ môn có liên quan.

Điều 31. Cấp bằng tốt nghiệp, xếp hạng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính. Bằng điểm ghi thêm tên chuyên ngành (hướng chuyên sâu).

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm TBCTL của các môn học quy định cho ngành đào tạo. Cách phân loại được quy định tại Khoản 4, Điều 24, của Quy định này.

3. Đối với những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt xuất sắc, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một bậc nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học tập vượt quá 1 học kỳ so với thời gian thiết kế.
- Có khối lượng các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo cấp trường trở lên.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bằng điểm theo từng học phần và trong từng học kỳ.

Điều 32. Bảo lưu kết quả học tập

1. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp nhưng chưa hết thời gian tối đa cho phép học ở bậc đại học, được bảo lưu các học phần có kết quả từ điểm 5.0 trở lên. Trong thời gian tối đa được phép học quy định tại Điều 7,

Khoản 1 của Quy chế này, sinh viên được trở về trường đăng ký học và thi lại cho những học phần bị điểm dưới 5.0.

2. Những sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp sẽ được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập của các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Quy chế đào tạo văn bằng thứ hai bậc đại học theo hệ thống tín chỉ được áp dụng kể từ năm học 2010 – 2011

Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế đều phải thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường và tuân thủ các Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 34. Hướng dẫn thi hành

Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị – Quản lý Sinh viên, Ban Cố vấn Học tập và Ban Chủ nhiệm các Khoa/Bộ môn có nhiệm vụ triển khai và hướng dẫn chi tiết nội dung quy chế này đến toàn thể sinh viên văn bằng thứ hai của Trường ĐHKHXH&NV.

HIỆU TRƯỞNG